TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **97**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 11/6/2024 "V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mầm.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Dạ T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số C V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đặng Thái S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số C V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Hoàng Dạ T (nguyên đơn) và ông Đặng Thái S (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/01/2010 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn tại chính quyền địa phương xong vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì các bên bất đồng quan điểm, phát sinh mâu

thuẫn, không có tiếng nói chung, bị đơn không quyết đoán trong cuộc sống, vợ chồng đã hòa giải nhiều để tiếp tục duy trì cuộc sống cho đến nay nhưng bị đơn vẫn không thay đổi, hôn nhân không thể hàn gắn được. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014 hiện nay đang ở với vợ chồng nguyên đơn. Nguyện vọng nguyên đơn xin được nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và giao cháu Mỹ A1 cho bị đơn nuôi dưỡng.

Về thu nhập: Hiện tại nguyên đơn là giáo viên trường THPT Q tại huyện K mỗi tháng thu nhập 10.000.000đồng nên đảm bảo nuôi 01 cháu đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn trình bày tại bản tự khai và buổi hòa giải:***

- Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng, bởi vì khoảng năm 2014 bị đơn có sai lầm trong kinh doanh dẫn đến làm ăn thua lỗ nên nguyên đơn mất niền tin ở bị đơn, nhưng sau đó bị đơn đã thay đổi, chăm sóc vợ con để hàn gắn cuộc sống. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. mong Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014 hiện nay đang ở với vợ chồng bị đơn.

Nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn thì bị đơn có nguyện vọng nuôi hai con chung đến tuổi thành không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng.

Về thu nhập: Hiện nay bị đơn đang chạy xe Grap, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của

BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao cháu Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 cho bà Hoàng Dạ T; giao cháu Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014 cho Đặng Thái S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Hoàng Dạ T và ông Đặng Thái S đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2010 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, không có tiếng nói chung vì vậy nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng không

được bị đơn đồng ý, bị đơn cho rằng khó khăn chỉ là trước mắt nên có nguyện vọng vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái, cùng nhau cố gắng.

HĐXX nhận thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến không đồng ý của bị đơn như đã trình bày ở trên, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cũng như tạo điều kiện về thời gian cho các bên hàn gắn nhưng đều không thành; Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì các bên không yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Hơn nữa tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện trí hàn gắn nên không có căn cứ xem xét mà cần chấp nhân yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014.

Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đặng Quỳnh A đến tuổi trưởng thành; bị đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu Đặng Quỳnh A và Đặng Mỹ A1 đến tuổi trưởng thành. HĐXX nhận thấy, để đảm bảo sự phát triển của trẻ chưa thành niên và thu nhập thực tế của các đương sự nên cần giao cháu Đặng Quỳnh A cho nguyên đơn, giao cháu Đặng Mỹ A1 cho bị đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của con trên 7 tuổi cụ thể cháu Đặng Quỳnh A muốn ở với mẹ, còn cháu Đặng Mỹ A1 muốn ở với bố.

Nguyên đơn và bị đơn đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Dạ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Hoàng Dạ T được ly hôn với bị đơn ông Đặng Thái S.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 và Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014.

Giao cháu Đặng Quỳnh A, sinh ngày 16/8/2010 cho bà Hoàng Dạ T; giao cháu Đặng Mỹ A1, sinh ngày 06/5/2014 cho Đặng Thái S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Hoàng Dạ T và ông Đặng Thái S đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Dạ T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0009688 ngày 25/3/2024 (do Nguyễn Thị Ngọc T1 nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND P. Tân Thành;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH